

# **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 48

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gỗ thép, xà gỗ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HSG theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có ba trăm tám mươi lăm (385) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch	
Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên	từ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2018
Ông Trần Quốc Trí	Thành viên	
Ông Lý Văn Xuân	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Luân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2018
Ông Đinh Việt Duy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2018

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Quốc Trí	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2018
Ông Trần Quốc Trí	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2018
Ông Trần Ngọc Chu	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2018
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Thanh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quốc Phẩm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Huy	Quyền Phó Tổng Giám đốc	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch	
Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2018
Ông Trần Quốc Trí	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2018

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 3 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Trần Quốc Trí  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 5 năm 2018

Số tham chiếu: 61183992/20242753/LR-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập ngày 30 tháng 5 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Tổng Giám đốc***

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Dương Lê Anthony  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2223-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 5 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31 tháng 3 năm 2018	30 tháng 9 năm 2017
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>14.034.811.904.143</b>	<b>12.763.371.131.704</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>231.709.423.161</b>	<b>292.371.319.351</b>
111	1. Tiền		202.543.554.286	292.227.797.476
112	2. Các khoản tương đương tiền		29.165.868.875	143.521.875
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.058.433.007.996</b>	<b>1.827.514.998.306</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	1.323.771.049.267	1.147.622.356.201
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	360.880.595.393	349.063.969.833
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	10	36.460.295.900	25.400.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	344.482.347.346	312.189.952.182
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 7	(7.161.279.910)	(6.761.279.910)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>9.852.565.484.530</b>	<b>8.871.078.567.586</b>
141	1. Hàng tồn kho		9.884.273.312.958	8.898.028.802.451
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(31.707.828.428)	(26.950.234.865)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.892.103.988.456</b>	<b>1.772.406.246.461</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	129.030.601.278	109.041.648.878
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	17	1.756.447.198.928	1.663.363.850.523
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	6.626.188.250	747.060
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>9.712.989.584.881</b>	<b>8.675.084.741.950</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>1.458.000.000</b>	<b>1.458.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.458.000.000	1.458.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>7.967.223.570.451</b>	<b>6.760.466.142.666</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	7.548.879.080.752	6.396.829.534.741
222	Nguyên giá		10.953.987.446.515	9.400.950.244.633
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.405.108.365.763)	(3.004.120.709.892)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	105.487.667.441	79.990.575.402
225	Nguyên giá		190.635.204.164	156.586.057.440
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(85.147.536.723)	(76.595.482.038)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	312.856.822.258	283.646.032.523
228	Nguyên giá		349.774.839.244	316.828.687.046
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(36.918.016.986)	(33.182.654.523)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.092.544.518.595</b>	<b>1.333.535.754.767</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	1.092.544.518.595	1.333.535.754.767
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>150.016.384.686</b>	<b>90.969.102.467</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		87.416.384.686	44.369.102.467
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		62.600.000.000	46.600.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>501.747.111.149</b>	<b>488.655.742.050</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	452.749.155.617	412.307.081.315
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	48.997.955.532	64.981.164.590
269	3. Lợi thế thương mại		-	11.367.496.145
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>23.747.801.489.024</b>	<b>21.438.455.873.654</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31 tháng 3 năm 2018	30 tháng 9 năm 2017
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>18.214.417.492.943</b>	<b>16.268.653.940.969</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>15.161.402.565.915</b>	<b>13.427.903.865.258</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	1.373.282.789.521	3.482.818.939.548
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	323.654.046.607	417.642.163.076
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	135.402.867.660	167.199.725.948
314	4. Phải trả người lao động		79.456.486.463	105.069.186.683
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	82.584.445.017	101.223.708.394
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	342.190.594.110	77.593.435.079
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	12.747.438.581.501	9.015.062.474.063
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		77.392.755.036	61.294.232.467
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>3.053.014.927.028</b>	<b>2.840.750.075.711</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	3.047.665.827.653	2.835.803.760.461
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		5.349.099.375	4.946.315.250
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>5.533.383.996.081</b>	<b>5.169.801.932.685</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>5.533.383.996.081</b>	<b>5.169.801.932.685</b>
411	1. Vốn cổ phần		3.499.966.830.000	3.499.966.830.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.499.966.830.000	3.499.966.830.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		151.583.183.521	151.583.183.521
415	3. Cổ phiếu quỹ		(543.000.000)	-
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		70.356.612.914	34.535.741.195
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.774.879.016.600	1.446.534.555.355
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.345.718.122.820	114.870.643.184
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		429.160.893.780	1.331.663.912.171
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21.3	37.141.353.046	37.181.622.614
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>23.747.801.489.024</b>	<b>21.438.455.873.654</b>

Nguyễn Thị Thanh Tuyên  
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Lan  
Kế toán trưởng

Trần Quốc Trí  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 5 năm 2018



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	15.658.399.375.958	12.064.180.908.246
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(107.677.807.940)	(84.652.337.465)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	15.550.721.568.018	11.979.528.570.781
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(13.350.342.723.901)	(9.776.047.018.207)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.200.378.844.117	2.203.481.552.574
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	27.621.151.986	31.352.129.122
22	7. Chi phí tài chính	24	(402.562.361.419)	(276.555.439.488)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(387.198.191.405)	(193.855.852.810)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(856.676.395.949)	(642.563.300.681)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(449.659.196.117)	(323.318.417.202)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		519.102.042.618	992.396.524.325
31	11. Thu nhập khác	26	25.813.475.559	62.021.735.829
32	12. Chi phí khác	26	(1.534.739.769)	(890.451.967)
40	13. Lợi nhuận khác	26	24.278.735.790	61.131.283.862
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		543.380.778.408	1.053.527.808.187
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(98.276.945.138)	(163.709.598.747)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28.3	(15.983.209.058)	(34.080.275.191)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		429.120.624.212	855.737.934.249
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		429.160.893.780	855.742.900.282
62	19. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(40.269.568)	(4.966.033)
70	20. Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) - Lãi cơ bản trên cổ phiếu - Lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.5		2.371 2.371

Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Lan  
Kế toán trưởng

Trần Quốc Trí  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 5 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>543.380.778.408</b>	<b>1.053.527.808.187</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12, 13	473.457.021.094	321.603.497.318
03	(Hoàn nhập dự phòng dự phòng		(30.775.482.104)	9.647.703.090
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		14.881.932.542	8.105.848.424
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(10.348.137.732)	(17.409.118.274)
06	Chi phí lãi vay	24	387.198.191.405	193.855.852.810
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>1.377.794.303.613</b>	<b>1.569.331.591.555</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(388.989.941.389)	(1.565.876.694.085)
10	Tăng hàng tồn kho		(986.244.510.507)	(3.630.430.271.634)
11	Giảm các khoản phải trả		(1.999.967.318.380)	(680.857.036.986)
12	Tăng chi phí trả trước		(60.431.026.702)	(87.860.222.497)
14	Tiền lãi vay đã trả		(383.563.649.902)	(185.227.829.959)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(120.201.299.459)	(190.540.377.926)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(48.897.038.247)	(29.537.484.056)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(2.610.500.480.973)</b>	<b>(4.800.998.325.588)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(1.488.171.900.732)	(1.948.517.886.894)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		92.357.464.525	36.301.468.280
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.672.266.449)	(3.150.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		13.585.000.000	-
27	Tiền lãi đã nhận		4.614.370.016	362.310.072
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.381.287.332.640)</b>	<b>(1.915.004.108.542)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017
32	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(543.000.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay		17.855.587.251.164	15.298.355.966.508
34	Tiền trả nợ gốc vay		(13.914.080.254.476)	(8.686.374.327.021)
35	Tiền trả nợ thuê tài chính		(7.696.158.208)	(39.507.020.621)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(293.512.000)	(195.895.385.600)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>3.932.974.326.480</b>	<b>6.376.579.233.266</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(58.813.487.133)</b>	<b>(339.423.200.864)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>292.371.319.351</b>	<b>576.620.705.083</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.848.409.057)	(421.223.526)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>5</b>	<b>231.709.423.161</b>	<b>236.776.280.693</b>

  
Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
Người lập

  
Nguyễn Thị Ngọc Lan  
Kế toán trưởng

  
  
Trần Quốc Trí  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 5 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018

## 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 8 tháng 8 năm 2001 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gỗ thép, xà gỗ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HSG theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có ba trăm tám mươi lăm (385) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 là 8.771 (30 tháng 9 năm 2017: 8.200).

### **Cơ cấu tổ chức**

Tập đoàn bao gồm Công ty và 16 công ty con như sau:

#### ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen ("HSS")

HSS là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700763651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 11 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSS tọa lạc tại số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của HSS trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSS (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

#### ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen ("HSBM")

HSBM là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3500786179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSBM tọa lạc tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của HSBM trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSBM (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

#### ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định ("HSBD")

HSBD là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4101425750 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 14 tháng 5 năm 2014. Trụ sở đăng ký của HSBD tọa lạc tại Lô A1.1 và TT 6.2 & 7 Khu Công nghiệp Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Hoạt động chính của HSBD trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSBD (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)**

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen ("HTME")

HTME là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700785528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HTME tọa lạc tại số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của HTME trong kỳ hiện tại là cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HTME (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An ("HSNA")

HSNA là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901788319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 12 tháng 6 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSNA tọa lạc tại Lô CN 1-8 Khu Công nghiệp Đông Hải, Xã Quỳnh Lập, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính của HSNA trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng kim loại, và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSNA (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam ("HSHN")

HSHN là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0700759219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 15 tháng 9 năm 2015. Trụ sở đăng ký của HSHN tọa lạc tại Cụm Công Nghiệp Kiện Khê I, Thị trấn Kiện Khê, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam. Hoạt động chính của HSHN trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSHN (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội – Bình Định ("HSNH")

HSNH là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4101453370 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 26 tháng 11 năm 2015. Trụ sở đăng ký của HSNH tọa lạc tại Thôn Hội Sơn, Xã Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Hoạt động chính của HSNH trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp bằng kim loại.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSNH (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)**

▶ Công ty Cổ phần Hoa Sen Vân Hội ("HSVH")

HSVH là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 5200861301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 5 tháng 5 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSVH tọa lạc tại Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam. Hoạt động chính của HSVH trong kỳ hiện tại là kinh doanh bất động sản, và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 70% vốn chủ sở hữu và 70% quyền biểu quyết trong HSVH (30 tháng 9 năm 2017: 70%).

▶ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái ("HSYB")

HSYB là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 5200861319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 5 tháng 5 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSYB tọa lạc tại Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam. Hoạt động chính của HSYB trong kỳ hiện tại là kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống và khu Trung tâm Thương mại.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 70% vốn chủ sở hữu và 70% quyền biểu quyết trong HSYB (30 tháng 9 năm 2017: 70%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSRE")

HSRE là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607960 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSRE tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSRE trong kỳ hiện tại là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSRE (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Xi Măng Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSCC")

HSCC là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607946 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSCC tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSCC trong kỳ hiện tại là sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSCC (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSIP")

HSIP là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSIP tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSIP trong kỳ hiện tại là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSIP (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)**

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận (“HSSP”)

HSSP là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSSP tọa lạc tại thôn Thương Diêm 2, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSSP trong kỳ hiện tại là đầu tư cảng sông, cảng biển.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSSP (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận (“HSIC”)

HSIC là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607953 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSIC tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSIC trong kỳ hiện tại là sản xuất sắt, thép và gang.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSIC (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ (“HSPM”)

HSPM là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3502313442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSPM tọa lạc tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của HSPM trong kỳ hiện tại là sản xuất các sản phẩm thép dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSPM (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái (“HSYB-LTD”)

HSYB-LTD là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 5200870602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 6 tháng 1 năm 2017. Trụ sở đăng ký của HSYB-LTD tọa lạc tại Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam. Hoạt động chính của HSYB-LTD trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSYB-LTD (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.  
cụ và hàng hóa

Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu và xem xét liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất biến đổi trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Tập đoàn nhận chuyển nhượng hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng hữu hạn hoặc vô thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được trích hao mòn theo thời hạn thuê, trong khi quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không được trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản khác	5 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	14 - 55 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay, bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Tập đoàn trong việc thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (được gọi là cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên:

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại), trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

*Tiền cho thuê tài sản*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. CÁC GIAO DỊCH CHUYÊN NHƯỢNG VÀ MẤT KIỂM SOÁT TRONG CÔNG TY CON TRONG NĂM**

*Giảm tỷ lệ lợi ích và mất quyền kiểm soát trong Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng KCN Hoa Sen Du Long ("HSDL")*

Vào ngày 26 tháng 3 năm 2018, Tập đoàn đã hoàn tất chuyển nhượng 55% quyền sở hữu của Tập đoàn trong HSDL cho các cá nhân và công ty với tổng giá chuyển nhượng là 13.585.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn trong HSDL giảm từ 100% xuống còn 45% và HSDL trở thành công ty liên kết của Tập đoàn. Khoản lỗ từ việc giảm tỷ lệ sở hữu này là 1.989.311.825 VND đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31 tháng 3 năm 2018	30 tháng 9 năm 2017
		VND
Tiền mặt	25.087.268.431	14.395.109.469
Tiền gửi ngân hàng	176.838.107.362	276.984.603.292
Tiền đang chuyển	618.178.493	848.084.715
Các khoản tương đương tiền (*)	29.165.868.875	143.521.875
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>231.709.423.161</b>	<b>292.371.319.351</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi có thời gian đáo hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất 5%/năm.

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31 tháng 3 năm 2018	30 tháng 9 năm 2017
		VND
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.323.690.598.081	1.147.137.710.966
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)	80.451.186	484.645.235
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.323.771.049.267</b>	<b>1.147.622.356.201</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.021.279.910)	(6.021.279.910)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>1.317.749.769.357</b>	<b>1.141.601.076.291</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)**

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	31 tháng 3 năm 2018	30 tháng 9 năm 2017
Các khoản trả trước cho người bán khác	<u>360.880.595.393</u>	<u>349.063.969.833</u>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	31 tháng 3 năm 2018	30 tháng 9 năm 2017
<b>Ngắn hạn</b>	<b>344.482.347.346</b>	<b>312.189.952.182</b>
Đặt cọc	194.919.952.472	139.310.128.600
Tạm ứng để mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000
Tạm ứng cho nhân viên	34.613.188.011	27.744.442.409
Bồi thường và giải phóng mặt bằng	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải thu bồi thường	-	31.520.000.000
Khác	4.765.979.863	3.432.154.173
<b>Dài hạn</b>	<b>1.458.000.000</b>	<b>1.458.000.000</b>
Ký quỹ, ký cược	1.458.000.000	1.458.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>345.940.347.346</b>	<b>313.647.952.182</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	<u>(1.140.000.000)</u>	<u>(740.000.000)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b><u>344.800.347.346</u></b>	<b><u>312.907.952.182</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	254.442.423.737	222.724.725.182
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	90.357.923.609	90.183.227.000

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	31 tháng 3 năm 2018	30 tháng 9 năm 2017
Nguyên vật liệu	3.616.365.047.489	2.785.840.233.964
Hàng mua đang đi đường	362.173.177.014	2.582.630.028.127
Thành phẩm	4.072.698.310.706	2.111.432.921.511
Công cụ, dụng cụ	790.857.501.809	727.542.052.803
Hàng hóa	1.038.773.276.051	690.583.566.046
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.405.999.889	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.884.273.312.958</b>	<b>8.898.028.802.451</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(31.707.828.428)</u>	<u>(26.950.234.865)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b><u>9.852.565.484.530</u></b>	<b><u>8.871.078.567.586</u></b>

Như được trình bày tại Thuyết minh số 20, Tập đoàn đã dùng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 là 4.344.486.869.714 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	31 tháng 3 năm 2018	30 tháng 9 năm 2017
<b>Ngắn hạn</b>	<b>129.030.601.278</b>	<b>109.041.648.878</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ	31.689.312.973	31.879.306.315
Chi phí quảng cáo	26.471.760.935	27.486.428.721
Chi phí thuê nhà xưởng	26.138.474.178	21.096.714.881
Chi phí sửa chữa	7.784.709.336	9.816.289.531
Chi phí tư vấn	5.107.187.545	5.022.641.070
Chi phí bảo hiểm	4.776.984.055	1.822.964.857
Khác	27.062.172.256	11.917.303.503
<b>Dài hạn</b>	<b>452.749.155.617</b>	<b>412.307.081.315</b>
Công cụ dụng cụ và phụ tùng thay thế	150.842.858.464	132.158.152.780
Chi phí thuê nhà xưởng, văn phòng	113.644.015.322	130.330.964.983
Chi phí san lấp mặt bằng	80.793.683.586	81.632.371.044
Chi phí làm bằng hiệu	43.236.911.111	25.377.730.855
Chi phí sửa chữa	35.161.286.087	21.983.972.896
Khác	29.070.401.047	20.823.888.757
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>581.779.756.895</b>	<b>521.348.730.193</b>

**10. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	VND	
	31 tháng 3 năm 2018	30 tháng 9 năm 2017
Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An (*)	25.000.000.000	25.000.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	11.460.295.900	-
Bên khác	-	400.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>36.460.295.900</b>	<b>25.400.000.000</b>

(\*) Số dư phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện số tiền Tập đoàn cho Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An mượn, nhằm mục đích chi trả chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng tại Khu Công nghiệp Đông Hội, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Khoản cho mượn này là tín chấp, không chịu lãi suất và sẽ đến hạn vào ngày 25 tháng 6 năm 2018.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						VND
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	1.586.933.181.908	7.215.624.777.163	535.209.326.578	39.176.631.594	24.006.327.390	9.400.950.244.633
Mua mới trong kỳ	3.569.902.965	97.966.375.645	14.829.842.164	5.744.974.000	249.959.260	122.361.054.034
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	293.205.630.861	1.240.591.275.761	10.753.106.240	10.071.940.023	2.032.223.364	1.556.654.176.249
Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	13.254.770.658	-	-	-	13.254.770.658
Thanh lý nhượng bán	(7.350.592.579)	(79.160.827.078)	(51.755.502.788)	(891.640.796)	(74.235.818)	(139.232.799.059)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018	1.876.358.123.155	8.488.276.372.149	509.036.772.194	54.101.904.821	26.214.274.196	10.953.987.446.515
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	68.591.029.263	567.165.345.788	30.761.910.657	946.530.619	5.593.879.822	673.048.696.149
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	(366.965.222.205)	(2.436.732.889.425)	(167.616.905.033)	(14.525.670.410)	(18.280.022.819)	(3.004.120.709.892)
Khấu hao trong kỳ	(44.036.950.904)	(376.200.448.083)	(30.462.997.603)	(3.958.560.592)	(1.169.773.459)	(455.828.730.641)
Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	(4.693.380.547)	-	-	-	(4.693.380.547)
Thanh lý nhượng bán	6.286.422.372	32.508.313.168	19.773.843.163	891.640.796	74.235.818	59.534.455.317
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018	(404.715.750.737)	(2.785.118.404.887)	(178.306.059.473)	(17.592.590.206)	(19.375.560.460)	(3.405.108.365.763)
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	1.219.967.959.703	4.778.891.887.738	367.592.421.545	24.650.961.184	5.726.304.571	6.396.829.534.741
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018	1.471.642.372.418	5.703.157.967.262	330.730.712.721	36.509.314.615	6.838.713.736	7.548.879.080.752
<b>Trong đó:</b>						
Thế chấp (Thuyết minh số 20)	1.178.571.396.220	4.201.587.791.587	197.460.269.302	5.616.028.310	2.379.317.741	5.585.614.803.160

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	VND		
	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	148.452.966.532	8.133.090.908	156.586.057.440
Tăng trong kỳ	14.635.857.235	32.668.060.147	47.303.917.382
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	<u>(13.254.770.658)</u>	-	<u>(13.254.770.658)</u>
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018	<u>149.834.053.109</u>	<u>40.801.151.055</u>	<u>190.635.204.164</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	(74.148.478.086)	(2.447.003.952)	(76.595.482.038)
Khấu hao trong kỳ	(12.563.353.187)	(682.082.045)	(13.245.435.232)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	<u>4.693.380.547</u>	-	<u>4.693.380.547</u>
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018	<u>(82.018.450.726)</u>	<u>(3.129.085.997)</u>	<u>(85.147.536.723)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	<u>74.304.488.446</u>	<u>5.686.086.956</u>	<u>79.990.575.402</u>
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018	<u>67.815.602.383</u>	<u>37.672.065.058</u>	<u>105.487.667.441</u>

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	314.715.532.265	2.113.154.781	316.828.687.046
Tăng trong kỳ	-	38.529.686.198	38.529.686.198
Thanh lý trong kỳ	<u>(5.583.534.000)</u>	-	<u>(5.583.534.000)</u>
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018	<u>309.131.998.265</u>	<u>40.642.840.979</u>	<u>349.774.839.244</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	456.396.144	1.818.224.781	2.274.620.925
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	(31.348.372.442)	(1.834.282.081)	(33.182.654.523)
Hao mòn trong kỳ	(1.730.440.295)	(2.652.414.926)	(4.382.855.221)
Thanh lý trong kỳ	<u>647.492.758</u>	-	<u>647.492.758</u>
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018	<u>(32.431.319.979)</u>	<u>(4.486.697.007)</u>	<u>(36.918.016.986)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	<u>283.367.159.823</u>	<u>278.872.700</u>	<u>283.646.032.523</u>
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018	<u>276.700.678.286</u>	<u>36.156.143.972</u>	<u>312.856.822.258</u>

Như được trình bày tại Thuyết minh số 20, Tập đoàn đã thế chấp một số quyền sử dụng đất với giá trị còn lại vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 là 136.008.046.216 VND để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	31 tháng 3 năm 2018	30 tháng 9 năm 2017
Mua sắm tài sản cố định	554.933.004.655	623.945.764.106
Chi phí xây dựng nhà máy	483.217.478.672	661.097.249.383
Sửa chữa lớn tài sản cố định	6.908.802.877	8.540.174.075
Chi phí khác	47.485.232.391	39.952.567.203
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.092.544.518.595</u></b>	<b><u>1.333.535.754.767</u></b>

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	31 tháng 3 năm 2018	30 tháng 9 năm 2017
Đầu tư vào công ty liên kết ( <i>Thuyết minh số 15.1</i> )	87.416.384.686	44.369.102.467
Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (*)	46.600.000.000	46.600.000.000
Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (**)	16.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>150.016.384.686</u></b>	<b><u>90.969.102.467</u></b>

(\*) Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam có thời hạn mười (10) năm và hưởng lãi suất thả nổi +1%/ năm.

(\*\*) Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam có thời hạn mười (10) năm và hưởng lãi suất thả nổi +1,2%/ năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**15.1 Đầu tư vào công ty liên kết** (tiếp theo)

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Công ty	31 tháng 3 năm 2018		30 tháng 9 năm 2017		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư VND		
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadept	45	55.624.444.583	45	16.019.102.467	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển
Công ty Cổ phần Hoa Sen Hội Văn	45	450.000.000	45	450.000.000	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	45	27.900.000.000	45	27.900.000.000	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng KCN Hoa Sen Du Long	45	3.441.940.103	-	-	Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>87.416.384.686</b>		<b>44.369.102.467</b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**16.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	31 tháng 3 năm 2018	30 tháng 9 năm 2017
Các bên khác	1.360.029.756.096	3.418.891.156.478
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	13.253.033.425	63.927.783.070
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.373.282.789.521</u></b>	<b><u>3.482.818.939.548</u></b>

**16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	VND	
	31 tháng 3 năm 2018	30 tháng 9 năm 2017
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	163.581.932.611	278.163.648.717
Các bên khác	160.072.113.996	139.478.514.359
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>323.654.046.607</u></b>	<b><u>417.642.163.076</u></b>

**17. THUẾ**

	VND			
	30 tháng 9 năm 2017	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31 tháng 3 năm 2018
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	55.771.976.307	98.276.945.138	(113.957.084.670)	40.091.836.775
Thuế GTGT	107.438.910.575	1.853.288.617.417	(1.870.308.277.413)	90.419.250.579
Thuế thu nhập cá nhân	2.716.916.312	23.277.783.245	(21.495.737.455)	4.498.962.102
Các loại thuế khác	1.271.922.754	31.877.585.109	(32.756.689.659)	392.818.204
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>167.199.725.948</u></b>	<b><u>2.006.720.930.909</u></b>	<b><u>(2.038.517.789.197)</u></b>	<b><u>135.402.867.660</u></b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế GTGT được khấu trừ	1.663.363.850.523	749.385.698.182	(656.302.349.777)	1.756.447.198.928
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.244.214.789	-	6.244.214.789
Thuế thu nhập cá nhân	747.060	275.522.300	-	276.269.360
Các loại thuế khác	-	105.704.101	-	105.704.101
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.663.364.597.583</u></b>	<b><u>756.011.139.372</u></b>	<b><u>(656.302.349.777)</u></b>	<b><u>1.763.073.387.178</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	31 tháng 3 năm 2018	30 tháng 9 năm 2017
Thưởng và lương tháng 13	26.963.775.739	53.536.809.000
Chi phí lãi vay	19.292.404.653	15.657.863.150
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17.326.826.636	18.008.495.530
Chi phí điện	13.733.526.652	10.315.223.937
Chi phí vận chuyển	3.398.573.401	2.843.019.695
Khác	1.869.337.936	862.297.082
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>82.584.445.017</b>	<b>101.223.708.394</b>

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	31 tháng 3 năm 2018	30 tháng 9 năm 2017
Ký quỹ mở Thư tín dụng, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu	286.135.654.185	-
Nhận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần của Gemadept	15.776.367.206	15.776.367.206
Nhận đặt cọc dự thầu	12.201.877.448	10.192.386.680
Phải trả cổ tức	4.437.556.925	4.731.068.925
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	2.279.607.740	1.425.763.500
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản phải trả khác	20.359.530.606	44.467.848.768
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>342.190.594.110</b>	<b>77.593.435.079</b>

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	VND	
	31 tháng 3 năm 2018	30 tháng 9 năm 2017
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>12.747.438.581.501</b>	<b>9.015.062.474.063</b>
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	12.159.206.014.097	8.502.860.876.262
Vay dài hạn từ ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 20.2)	546.291.849.001	485.500.382.125
Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 20.3)	41.940.718.403	26.701.215.676
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>3.047.665.827.653</b>	<b>2.835.803.760.461</b>
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 20.2)	3.026.749.955.456	2.821.013.820.224
Nợ dài hạn thuê tài chính (Thuyết minh số 20.3)	20.915.872.197	14.789.940.237
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.795.104.409.154</b>	<b>11.850.866.234.524</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuê tài chính trong kỳ như sau:

	VND Giá trị
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	11.850.866.234.524
Tiền thu từ đi vay	17.819.901.554.205
Nợ thuê tài chính phát sinh	35.685.696.959
Tiền chi trả nợ gốc vay	(13.914.080.254.476)
Trả nợ thuê tài chính	(7.696.158.208)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.427.336.150
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018	<b><u>15.795.104.409.154</u></b>

**20.1 Vay ngắn hạn ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	31 tháng 3 năm 2018	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VND			
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương</b>				
Vay VND	1.226.311.422.369	Từ ngày 20 tháng 4 năm 2018 đến ngày 6 tháng 7 năm 2018	Từ 5,2 đến 5,6	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị và hàng tồn kho
Vay USD	1.176.097.359.447	Từ ngày 10 tháng 4 năm 2018 đến ngày 27 tháng 8 năm 2018	Từ 2,5 đến 2,9	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương</b>				
Vay VND	1.842.404.343.426	Từ ngày 4 tháng 4 năm 2018 đến ngày 30 tháng 8 năm 2018	Từ 5 đến 5,5	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Vay USD	1.443.912.148.768	Từ ngày 6 tháng 4 năm 2018 đến 26 tháng 9 năm 2018	Từ 2,2 đến 2,8	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam</b>				
Vay VND	178.631.114.888	Từ ngày 18 tháng 12 năm 2018 đến ngày 31 tháng 3 năm 2019	Từ 5,1 đến 5,5	Hàng tồn kho
<b>Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bình Dương</b>				
Vay USD	77.622.000.000	Ngày 21 tháng 5 năm 2018	2,6	Quyền sử dụng đất và hàng tồn kho



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**20.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	31 tháng 3 năm 2018 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>				
Vay VND	63.427.041.574	Từ ngày 26 tháng 4 năm 2018 đến ngày 18 tháng 5 năm 2018	Từ 4,2 đến 4,4	Hàng tồn kho và máy móc, thiết bị
<b>Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)</b>				
Vay VND	441.196.174.425	Từ ngày 7 tháng 4 năm 2018 đến ngày 28 tháng 7 năm 2018	Từ 3,8 đến 4,8	Quyền sử dụng đất và hàng tồn kho
Vay USD	17.317.895.266	Ngày 6 tháng 4 năm 2018	2,7	Quyền sử dụng đất và hàng tồn kho
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>				
Vay VND	51.436.818.662	Từ ngày 14 tháng 5 năm 2018 đến ngày 20 tháng 7 năm 2018	Từ 5,2 đến 5,5	Tín chấp
Vay USD	454.329.190.428	Từ ngày 2 tháng 5 năm 2018 đến ngày 26 tháng 7 năm 2018	Từ 2,5 đến 3	Tín chấp
<b>Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)</b>				
Vay VND	758.865.991.502	Từ ngày 13 tháng 4 năm 2018 đến ngày 19 tháng 7 năm 2018	Từ 3,8 đến 4,8	Hàng tồn kho, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất, công trình xây dựng trên đất
Vay USD	256.409.335.564	Từ ngày 12 tháng 6 năm 2018 đến ngày 29 tháng 6 năm 2018	2,57	Hàng tồn kho, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất, công trình xây dựng trên đất
<b>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng</b>				
Vay USD	47.438.451.143	Từ ngày 4 tháng 5 năm 2018 đến ngày 18 tháng 5 năm 2018	Từ 2,3 đến 3	Hàng tồn kho
<b>Ngân hàng UOB Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>				
Vay VND	125.677.303.650	Từ ngày 2 tháng 4 năm 2018 đến ngày 18 tháng 7 năm 2018	Từ 3,9 đến 4,67	Hàng tồn kho
<b>Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam</b>				
Vay VND	115.463.301.947	Từ ngày 18 tháng 4 năm 2018 đến ngày 26 tháng 4 năm 2018	Từ 5,2 đến 5,3	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**20.1 Vay ngắn hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau (tiếp theo):

<i>Ngân hàng</i>	<i>31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
<b>VND</b>				
<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Phú Tài</b>				
Vay VND	296.086.724.530	Từ ngày 10 tháng 5 năm 2018 đến ngày 23 tháng 8 năm 2018	Từ 5,2 đến 5,3	Tín chấp
<b>Ngân hàng TMCP Phương Đông</b>				
Vay USD	127.641.010.207	Ngày 13 tháng 9 năm 2018	3,0	Tín chấp
<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An</b>				
Vay VND	1.220.011.439.223	Từ ngày 2 tháng 5 năm 2018 đến ngày 29 tháng 8 năm 2018	Từ 5 đến 5,5	Hàng tồn kho
<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Sở Giao Dịch 2</b>				
Vay VND	916.153.874.106	Từ ngày 13 tháng 4 năm 2018 đến ngày 6 tháng 9 năm 2018	5,5	Tín chấp
Vay USD	250.382.423.348	Từ ngày 26 tháng 8 năm 2018 đến ngày 14 tháng 9 năm 2018	3,5	Tín chấp
<b>Ngân hàng Sumitomo mitsui – Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>				
Vay VND	298.309.055.103	Từ ngày 29 tháng 7 năm 2018 đến ngày 8 tháng 8 năm 2018	Từ 4,0 đến 4,2	Tín chấp
<b>Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh</b>				
Vay USD	265.967.100.000	Từ ngày 13 tháng 4 năm 2018 đến ngày 6 tháng 9 năm 2018	3,0	Tín chấp
<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu</b>				
Vay VND	270.492.775.178	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2018 đến ngày 30 tháng 8 năm 2018	5,2	Máy móc thiết bị
<b>Ngân hàng BNP Paribas Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh</b>				
Vay USD	237.621.719.343	Từ ngày 25 tháng 5 năm 2018 đến ngày 22 tháng 6 năm 2018	Từ 4,25 đến 4,7	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.159.206.014.097</b>			

Tập đoàn sử dụng các khoản vay ngắn hạn này cho mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**20.2 Vay dài hạn ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	31 tháng 3 năm 2018 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương</b>				
Vay VND	477.618.481.273	Từ ngày 5 tháng 7 năm 2018 đến ngày 7 tháng 2 năm 2022	Từ 7,5 đến 8,6	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
<b>Ngân hàng TMCP Bản Việt</b>				
Vay VND	17.765.359.500	Từ ngày 4 tháng 2 năm 2018 đến ngày 26 tháng 11 năm 2019	8,0	Phương tiện vận tải
<b>Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Tân Thuận</b>				
Vay VND	12.523.580.000	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2020 đến ngày 17 tháng 6 năm 2020	8,5	Phương tiện vận tải
<b>Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương</b>				
Vay VND	2.577.631.837.964	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2018 đến ngày 5 tháng 1 năm 2026	Từ 8,3 đến 9,0	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
<b>Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương</b>				
Vay USD	3.842.327.991	Ngày 20 tháng 6 năm 2018	1,7	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
<b>Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bình Dương</b>				
Vay VND	9.654.554.970	Ngày 7 tháng 1 năm 2019	8,0	Phương tiện vận tải
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu</b>				
Vay VND	255.137.915.550	Ngày 30 tháng 11 năm 2024	8,0	Toàn bộ tài sản của dự án Hoa Sen Phú Mỹ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**20.3 *Nợ thuế tài chính***

Chi tiết các khoản nợ thuế tài chính như sau:

Tập đoàn hiện đang thuế máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuế tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	31 tháng 3 năm 2018		30 tháng 9 năm 2017		VND	
	Tổng các khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc	Tổng các khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc
<b><i>Nợ thuế tài chính ngắn hạn</i></b>						
Dưới 1 năm	45.442.461.444	3.501.743.041	41.940.718.403	29.186.748.807	2.485.533.131	26.701.215.676
<b><i>Nợ thuế tài chính dài hạn</i></b>						
Từ 1 - 5 năm	21.822.043.829	906.171.632	20.915.872.197	15.388.778.781	598.838.544	14.789.940.237
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>67.264.505.273</b>	<b>4.407.914.673</b>	<b>62.856.590.600</b>	<b>44.575.527.588</b>	<b>3.084.371.675</b>	<b>41.491.155.913</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017:</b>					
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016	1.965.398.290.000	551.571.933.521	6.784.575.670	1.602.771.684.847	4.126.526.484.038
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	855.742.900.282	855.742.900.282
Trả cổ tức	-	-	-	(196.539.829.000)	(196.539.829.000)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	67.688.704.939	(60.167.737.724)	(60.167.737.724)
Trích lập quỹ khác	-	-	-	(67.688.704.939)	(67.688.704.939)
Thường vượt kế hoạch	-	-	-	(51.300.000.000)	(51.300.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	(26.571.644.057)	-	(26.571.644.057)
<b>Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017</b>	<b>1.965.398.290.000</b>	<b>551.571.933.521</b>	<b>47.901.636.552</b>	<b>2.082.818.313.466</b>	<b>4.647.690.173.539</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018:</b>						
Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017	3.499.966.830.000	151.583.183.521	-	34.535.741.195	1.446.534.555.355	5.132.620.310.071
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	429.160.893.780	429.160.893.780
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(543.000.000)	-	-	(543.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(53.266.556.487)	(53.266.556.487)
Trích lập quỹ khác	-	-	-	47.549.876.048	(47.549.876.048)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	(11.729.004.329)	-	(11.729.004.329)
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018	<b>3.499.966.830.000</b>	<b>151.583.183.521</b>	<b>(543.000.000)</b>	<b>70.356.612.914</b>	<b>1.774.879.016.600</b>	<b>5.496.242.643.035</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu kỳ và cuối kỳ	<u>3.499.966.830.000</u>	<u>1.965.398.290.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	-	196.539.829.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	293.512.000	195.895.385.600

**21.3 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

	VND	
	31 tháng 3 năm 2018	30 tháng 9 năm 2017
Số đầu năm	37.181.622.614	3.446.080.228
Vốn điều lệ đã góp	-	33.750.000.000
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	<u>(40.269.568)</u>	<u>(14.457.614)</u>
Số cuối năm	<u>37.141.353.046</u>	<u>37.181.622.614</u>

**21.4 Vốn cổ phần**

	Số lượng cổ phiếu	
	31 tháng 3 năm 2018	30 tháng 9 năm 2017
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	349.996.683	349.996.683
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		
Cổ phiếu phổ thông	54.300	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	349.942.383	349.996.683

Cổ phiếu đã được phát hành của Công ty có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.5 Lãi trên cổ phiếu**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	429.160.893.780	855.742.900.282
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(17.166.435.751)	(34.229.716.011)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	411.994.458.029	821.513.184.271
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (**)	<u>349.957.383</u>	<u>346.536.512</u>
<b>Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>		
Lãi cơ bản	1.177	2.371
Lãi suy giảm	1.177	2.371

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018 đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập với tỷ lệ 4% của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2018 ngày 16 tháng 1 năm 2018.

(\*\*) Tổng số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ trước đã được điều chỉnh hồi tố do việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho các cổ đông hiện hữu của Công ty phát sinh vào ngày 8 tháng 6 năm 2017.

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>15.658.399.375.958</b>	<b>12.064.180.908.246</b>
<i>Trong đó:</i>		
Thành phẩm	8.322.932.701.127	7.967.431.655.643
Hàng hóa	7.291.373.665.967	4.047.694.577.320
Hoạt động khác	44.093.008.864	49.054.675.283
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(107.677.807.940)</b>	<b>(84.652.337.465)</b>
<i>Trong đó:</i>		
Chiết khấu thương mại	(93.822.748.933)	(79.737.302.640)
Hàng bán bị trả lại	(12.054.269.103)	(4.447.891.270)
Giảm giá hàng bán	(1.800.789.904)	(467.143.555)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b><u>15.550.721.568.018</u></b>	<b><u>11.979.528.570.781</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên khác	12.756.271.756.514	10.167.735.937.669
Doanh thu với bên liên quan	2.794.449.811.504	1.811.792.633.112

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU (tiếp theo)**

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
		VND
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	23.006.781.970	30.461.243.671
Thu nhập từ đầu tư tài chính	3.784.097.849	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	528.575.379
Thu nhập lãi tiền gửi	830.272.167	362.310.072
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>27.621.151.986</u></b>	<b><u>31.352.129.122</u></b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
		VND
Thành phẩm	6.703.280.070.751	6.233.044.352.566
Hàng hóa	6.614.439.399.157	3.537.704.566.778
Hoạt động khác	32.623.253.993	5.298.098.863
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.350.342.723.901</u></b>	<b><u>9.776.047.018.207</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
		VND
Chi phí lãi vay	387.198.191.405	193.855.852.810
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	33.950.960.096	69.573.528.417
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	14.881.932.542	8.634.423.803
Lỗ từ thanh lý đầu tư (Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	1.989.311.825	-
	(35.933.075.667)	4.491.634.458
Khác	475.041.218	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>402.562.361.419</u></b>	<b><u>276.555.439.488</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
		VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>856.676.395.949</b>	<b>642.563.300.681</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	460.625.302.788	306.877.325.566
Chi phí nhân viên	199.186.086.101	161.420.235.880
Chi phí khấu hao và hao mòn	61.213.038.195	35.993.633.659
Chi phí khác	135.651.968.865	138.272.105.576
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>449.659.196.117</b>	<b>323.318.417.202</b>
Chi phí nhân viên	243.563.727.418	155.930.668.893
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.740.702.687	23.420.880.452
Chi phí khấu hao và hao mòn	27.496.491.570	21.400.731.297
Chi phí khác	139.858.274.442	122.566.136.560
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.306.335.592.066</u></b>	<b><u>965.881.717.883</u></b>

**26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
		VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>25.813.475.559</b>	<b>62.021.735.829</b>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	7.723.079.541	17.046.808.202
Tiền bồi thường	11.923.197.562	37.945.082.919
Thu nhập khác	6.167.198.456	7.029.844.708
<b>Chi phí khác</b>	<b>(1.534.739.769)</b>	<b>(890.451.967)</b>
Chi phí khác	(1.534.739.769)	(890.451.967)
<b>LỢI NHUẬN KHÁC</b>	<b><u>24.278.735.790</u></b>	<b><u>61.131.283.862</u></b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
		VND
Chi phí nguyên vật liệu	13.240.314.260.690	7.561.353.099.972
Chi phí nhân viên	632.751.879.561	462.255.184.773
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.109.569.642.884	865.625.866.573
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11, 12 và 13)	473.457.021.094	321.603.497.318
Chi phí khác	697.108.050.999	582.248.831.280
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.153.200.855.228</u></b>	<b><u>9.793.086.479.916</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế, ngoại trừ:

- HSBĐ được miễn thuế TNDN trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng trong 4 năm tiếp theo.
- Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho HSNA và HSNH là 10% thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi các công ty con này phát sinh doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Các công ty con này được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng trong 9 năm tiếp theo.
- Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho HSHN là 17% thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ năm 2016 và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế TNDN trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng trong 4 năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**28.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	98.276.945.138	163.710.448.747
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thừa kỳ trước	-	(850.000)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	15.983.209.058	34.080.275.191
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>114.260.154.196</b>	<b>197.789.873.938</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>543.380.778.408</b>	<b>1.053.527.808.187</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Tập đoàn	108.676.155.681	210.705.561.637
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Chi phí không được trừ	9.176.423.283	11.937.753.826
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thừa kỳ trước	-	(850.000)
Lỗi tính thuế từ các công ty con	18.065.689.642	1.676.199.521
Thuế TNDN được miễn, giảm	(21.266.222.856)	(35.218.488.799)
Khác	(391.891.554)	8.689.697.753
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>114.260.154.196</b>	<b>197.789.873.938</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**28.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Tập đoàn đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>30 tháng 9 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
Lợi nhuận chưa thực hiện	28.136.499.643	30.855.331.987	(2.718.832.344)	(2.631.105.233)
Chi phí trích trước	14.711.753.602	17.194.324.156	(2.482.570.554)	(29.712.904.145)
Các khoản dự phòng	4.676.447.401	13.309.683.206	(8.633.235.805)	(2.108.565.708)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	155.924.505	1.135.161.780	(979.237.275)	330.134.903
Khác	1.317.330.381	2.486.663.461	(1.169.333.080)	42.164.992
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>48.997.955.532</b>	<b>64.981.164.590</b>		
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>(15.983.209.058)</b>	<b>(34.080.275.191)</b>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 29. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Bán hàng hóa Mua hàng hóa Chiết khấu thương mại Bán tài sản cố định Nhận dịch vụ vận chuyển Nhận dịch vụ	2.824.742.627.509 1.303.333.328.091 31.578.990.241 31.542.647.555 24.839.317.629 -	1.810.835.164.934 1.150.472.006.130 30.338.104.597 28.338.441.005 25.664.857.497 18.874.499.997
Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Hoa Sen Nghệ An	Bên liên quan	Phí vận chuyển	37.591.617.790	-
Công ty Cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Germaept	Công ty liên kết	Góp vốn	3.672.266.449	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng KCN Hoa Sen Du Long	Công ty liên kết	Rút vốn Cho vay Chi phí lãi vay	13.585.000.000 11.460.295.900 174.696.609	- - -
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	31 tháng 3 năm 2018	30 tháng 9 năm 2017
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Bán hàng hóa	47.451.186	451.645.235
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	33.000.000	33.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>80.451.186</b>	<b>484.645.235</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	31 tháng 3 năm 2018	30 tháng 9 năm 2017
				VND
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Mua hàng hóa	163.581.932.611	278.163.648.717
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	Ứng trước tiền mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng KCN Hoa Sen Du Long	Công ty liên kết	Lãi vay	174.696.609	-
			<b>90.357.923.609</b>	<b>90.183.227.000</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	2.747.296.647	56.910.755.597
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	Bên liên quan	Mua dịch vụ	10.505.736.778	7.017.027.473
			<b>13.253.033.425</b>	<b>63.927.783.070</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng KCN Hoa Sen Du Long	Công ty liên kết	Cho vay	11.460.295.900	-
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
DNTN Kinh doanh Bất động sản Hương Sen	Bên liên quan	Tạm ứng	1.000.000.000	1.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Chi tiết lương và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017</i>
Lương Ban Tổng Giám đốc	10.281.821.204	11.081.156.666
Thưởng Ban Tổng Giám đốc	-	14.580.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	1.100.000.000	990.000.000
Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	26.810.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.381.821.204</b>	<b>53.461.156.666</b>

**30. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

Tập đoàn hiện đang thuê đất và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>30 tháng 9 năm 2017</i>
Dưới 1 năm	126.952.104.162	109.150.036.089
Từ 1 tới 5 năm	430.264.252.387	378.856.719.212
Trên 5 năm	484.510.871.554	466.809.457.042
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.041.727.228.103</b>	<b>954.816.212.343</b>

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Tập đoàn hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018, các khoản tiền thuê tối thiểu thu được trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>31 tháng 3 năm 2018</i>	<i>30 tháng 9 năm 2017</i>
Dưới 1 năm	1.321.300.000	2.304.329.547
Từ 1 tới 5 năm	2.875.500.000	3.890.081.818
Trên 5 năm	8.640.000.000	2.587.200.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.836.800.000</b>	<b>8.781.611.365</b>

***Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn***

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Tập đoàn có khoản cam kết trị giá 488.403.811.744 VND (30 tháng 9 năm 2017: 785.047.782.983 VND) chủ yếu liên quan đến việc mua sắm máy móc mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận khu vực địa lý của Tập đoàn. Báo cáo bộ phận chính yếu, là bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Tập đoàn.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

*Bộ phận theo khu vực địa lý*

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("Xuất khẩu").

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017
Doanh thu	9.513.591.696.030	7.306.567.433.204	6.037.129.871.988	4.672.961.137.577	15.550.721.568.018	11.979.528.570.781
Giá vốn	(7.890.676.384.099)	(5.850.506.066.393)	(5.459.666.339.802)	(3.925.540.951.814)	(13.350.342.723.901)	(9.776.047.018.207)
Lợi nhuận gộp	1.622.915.311.931	1.456.061.366.811	577.463.532.186	747.420.185.763	2.200.378.844.117	2.203.481.552.574

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 3 năm 2018 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Lan  
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 5 năm 2018